

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

**CÔNG TY
CP SẢN
XUẤT TM
VÀ DV Ô
TÔ PTM**

Digitally signed by CÔNG
TY CP SẢN XUẤT TM VÀ
DV Ô TÔ PTM
DN: CN=CÔNG TY CP
SẢN XUẤT TM VÀ DV Ô
TÔ PTM, O=MST:
0101116000, L=06/01/2016
3:29:57 PM, C=VN
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2018-03-22 14:30:30

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 22



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101116000 ngày 09 tháng 03 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ : 42.000.000.000 đồng (bốn mươi hai tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là PTM.

2. Trụ sở hoạt động

2.1. Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: +84 (24) 3 85 52 550
- Fax: +84 (24) 3 55 90 352
- Mã số thuế: 0 1 0 1 1 1 6 0 0 0

2.2. Chi nhánh văn phòng

Địa chỉ: Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-001 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

4.1. Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch	13/08/2016
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên	02/04/2016
Ông Hoàng Đức Thành	Thành viên	02/04/2016
Ông Hoàng Đức Hùng	Thành viên	02/04/2016
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	16/06/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.2. Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Bảo Hiền	Trưởng ban	02/04/2016
Bà Ngô Thu Hằng	Ủy viên	02/04/2016
Bà Phạm Thị Nhung	Ủy viên	02/04/2016

4.3. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	30/08/2016

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	30/08/2016

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 22.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đã có thông báo và nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ngừng niêm yết trên sàn Upcom sau 01 năm kể từ ngày Công ty không còn đáp ứng các điều kiện Công ty đại chúng (kể từ ngày 09/06/2017).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Các thành viên hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018.

TM. Hội đồng quản trị



ĐỖ TIẾN DŨNG

Chủ tịch HĐQT

TR
KIẾ
QUẢN



REANDA

Số: 2070/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM, được lập ngày 13 tháng 3 năm 2018 (từ trang 07 đến trang 22), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 17 tháng 01 năm 2017, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.375.273.875	30.589.391.888
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1.592.555.950	10.276.675.883
111	1. Tiền	V.1	1.592.555.950	4.776.675.883
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	5.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.341.976.970	18.811.212.582
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	5.615.295.766	1.017.748.578
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		8.130.000	1.930.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	16.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		55.804.775	200.217.575
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(341.169.840)	(341.169.840)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.916.269	3.916.269
140	IV. Hàng tồn kho		1.417.180.229	1.444.537.187
141	1. Hàng tồn kho	V.3	1.417.180.229	1.444.537.187
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.023.560.726	56.966.236
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.966.957.349	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.8	56.603.377	56.966.236
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		129.128.975.839	3.976.594.915
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		14.000.000	14.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		14.000.000	14.000.000
220	II. Tài sản cố định		128.742.110.209	2.575.327.375
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.4	128.742.110.209	2.575.327.375
222	- Nguyên giá		134.773.635.537	5.858.926.702
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.031.525.328)	(3.283.599.327)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.387.267.540
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.387.267.540
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		372.865.630	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.5	372.865.630	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		147.504.249.714	34.565.986.803

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

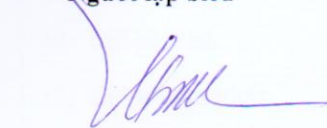
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		110.266.640.530	1.194.973.139
310	I. Nợ ngắn hạn		110.266.640.530	1.194.973.139
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.6	45.005.308.585	962.521.019
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.7	20.320.000.000	110.203.879
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.8	5.121.441	15.722.715
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.9	3.417.642.070	93.264.778
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.10	41.518.568.434	-
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	13.260.748
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.11	37.237.609.184	33.371.013.664
410	I. Vốn chủ sở hữu		37.237.609.184	33.371.013.664
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		42.000.000.000	42.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		42.000.000.000	42.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		122.922.480	122.922.480
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.905.313.296)	(8.771.908.816)
421a	- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước		(8.771.908.816)	(6.570.851.129)
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này		3.866.595.520	(2.201.057.687)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		147.504.249.714	34.565.986.803

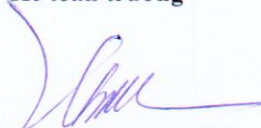
Thành phố Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



BÙI THỊ THANH NHÂN

Kế toán trưởng



BÙI THỊ THANH NHÂN

Tổng Giám Đốc



TRẦN VĂN MỸ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	10.337.405.473	33.235.877.637
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.337.405.473	33.235.877.637
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	6.874.642.845	35.685.486.858
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.462.762.628	(2.449.609.221)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	432.742.569	1.299.024.462
22	7. Chi phí tài chính		655.626.948	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		655.626.948	-
25	8. Chi phí bán hàng		23.000.000	90.809.158
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	721.304.361	214.865.305
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.495.573.888	(1.456.259.222)
31	11. Thu nhập khác	VI.5	1.371.021.632	64.804.785
32	12. Chi phí khác		-	809.603.250
40	13. Lợi nhuận khác		1.371.021.632	(744.798.465)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.866.595.520	(2.201.057.687)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.8	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.866.595.520	(2.201.057.687)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.6	921	(524)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.7	921	(524)

Thành phố Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



BÙI THỊ THANH NHÂN



BÙI THỊ THANH NHÂN



TRẦN VĂN MỸ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.866.595.520	(2.201.057.687)
	2. Điều chỉnh các khoản		3.963.682.118	(1.209.989.830)
02	- Khấu hao tài sản cố định		4.814.722.181	(1.132.754.773)
03	- Các khoản dự phòng		-	(77.235.057)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.506.667.011)	-
06	- Chi phí lãi vay		655.626.948	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.830.277.638	(3.411.047.517)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(12.497.358.878)	10.993.071.157
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		27.356.958	1.594.606.642
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		67.566.359.705	(1.685.818.566)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(372.865.630)	74.766.042
13	- Tiền lãi vay đã trả		(655.626.948)	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(13.260.748)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		61.884.882.097	7.565.577.758
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(203.424.858.489)	(1.014.682.760)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		74.904.545.456	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		16.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		432.742.569	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(112.087.570.464)	(1.014.682.760)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		75.233.625.196	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(33.715.056.762)	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		41.518.568.434	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		(8.684.119.933)	6.550.894.998
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.276.675.883	3.725.780.885
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.592.555.950	10.276.675.883

Thành phố Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

BÙI THỊ THANH NHÀN

BÙI THỊ THANH NHÀN



TRẦN VĂN MỸ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh và sửa chữa ô tô.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ tháng 04 năm 2017, Công ty ngưng hoạt động sửa chữa xe ô tô. Công ty đang đẩy mạnh hoạt động cho thuê mặt bằng, cho thuê xe và bán xe ô tô.

6. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 09 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 09 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được chủ sở hữu công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán xe

Doanh thu bán xe được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ sửa chữa được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế thu nhập DN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

15. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	707.967.121	769.889.559
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	884.588.829	4.006.786.324
- Các khoản tương đương tiền	-	5.500.000.000
Cộng	1.592.555.950	10.276.675.883

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan	635.415.453	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	635.415.453	-
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	4.979.880.313	1.017.748.578
- Công ty TNHH Ngô Minh	869.000.000	-
- Công ty TNHH Bali Limousine	356.400.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Quang Tâm	240.000.000	300.000.000
- Khách hàng khác	3.514.480.313	717.748.578
Cộng	5.615.295.766	1.017.748.578

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ^(*)	1.417.180.229	-	1.444.537.187	-
Cộng	1.417.180.229	-	1.444.537.187	-

(*) Là phụ tùng, vật tư sửa chữa xe ô tô.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.769.739.475	474.637.500	614.549.727	-	5.858.926.702
Tăng trong năm	16.520.242.881	-	188.183.215.148	108.668.000	204.812.126.029
Giảm trong năm	-	474.637.500	75.422.779.694	-	75.897.417.194
Số cuối năm	21.289.982.356	-	113.374.985.181	108.668.000	134.773.635.537
<i>Trong đó đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.783.355.587	474.637.500	25.606.240	-	3.283.599.327
Tăng trong năm	1.036.942.734	-	3.741.948.634	35.830.814	4.814.722.181
- Khấu hao trong năm	1.036.942.734	-	3.741.948.634	35.830.814	4.814.722.181
Giảm trong năm	-	474.637.500	1.592.158.680	-	2.066.796.180
Số cuối năm	3.820.298.321	-	2.175.396.194	35.830.814	6.031.525.328
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.986.383.888	-	588.943.487	-	2.575.327.375
Số cuối năm	17.469.684.035	-	111.199.588.987	72.837.186	128.742.110.209

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp cho các khoản vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 29.062.997.904 đồng (xem thuyết minh mục V.10).

5. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí trả trước bảo hiểm vật chất và bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cho thuê.

6. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	44.911.009.220	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	44.911.009.220	-
Phải thu ngắn hạn khác	94.299.365	962.521.019
- Công ty TNHH Phong Nam	63.140.000	63.140.000
- Khách hàng khác	31.159.365	899.381.019
Cộng	45.005.308.585	962.521.019

7. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là tiền khách hàng trả tiền trước để mua xe.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	20.320.000.000	110.203.879
- Nguyễn Xuân Bách	3.670.000.000	-
- Võ Thị Việt Hà	2.600.000.000	-
- Khách hàng khác	14.050.000.000	110.203.879
Cộng	20.320.000.000	110.203.879

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	56.603.377	-	-	-	56.603.377
- Thuế thu nhập cá nhân	-	362.859	5.484.300	-	5.121.441	-
- Thuế GTGT phải nộp	15.722.715	-	8.252.060.717	(8.267.783.432)	-	-
- Thuế khác	-	-	10.907.486	(10.907.486)	-	-
Cộng	15.722.715	56.966.236	8.268.452.503	(8.278.690.918)	5.121.441	56.603.377

8a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

8b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải nộp thuế phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.866.595.520	(2.201.057.687)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	47.180.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.866.595.520	(2.153.877.687)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	(3.866.595.520)	(5.766.304.201)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

8c. Các loại thuế khác

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo quy định.

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	1.207.314.292	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	1.207.314.292	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác⁽¹⁾	2.210.327.778	93.264.778
- Công ty TNHH Ngô Minh	800.000.000	-
- Công ty TNHH Bali Limousine	712.800.000	-
- Phải trả khác	697.527.778	93.264.778
Cộng	3.417.642.070	93.264.778

⁽¹⁾ Chủ yếu là các khoản tiền cọc thuê xe.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	41.518.568.434	41.518.568.434	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ^(*)	41.518.568.434	41.518.568.434	-	-
Cộng	41.518.568.434	41.518.568.434	-	-

(*) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số VNM 171510 ngày 04 tháng 07 năm 2017. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: mua xe ô tô do Mercedes Benz Việt Nam sản xuất từ HAX để cho thuê. Thời gian: tối đa 06 tháng cho mỗi khoản vay. Tài sản thế chấp: Tài sản hình thành từ vốn vay (Chi tiết thuyết minh V.4).

11. Vốn chủ sở hữu**11a. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	(6.570.851.127)	33.990.600.590
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm trong năm trước	-	-	-	(2.201.057.687)	(2.201.057.687)
- Lỗ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	-	-	-	(2.201.057.687)	(2.201.057.687)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	(8.771.908.816)	33.371.013.664
Tăng trong năm nay	-	-	-	3.866.595.522	3.866.595.522
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay nay	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	(4.905.313.294)	37.237.609.186

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

11b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

STT	Chủ đầu tư	Vốn theo Giấy phép đầu tư	Tỷ lệ	Vốn đã góp tới ngày 31/12/2017
		VND	%	VND
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	38.942.080.000	92,72	38.942.080.000
2	Cổ đông khác	3.057.920.000	7,28	3.057.920.000
	Cộng	42.000.0000.000	100,00%	42.000.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chủ yếu là doanh thu cho thuê xe.

2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn cho thuê xe.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chủ yếu là lãi tiền cho vay và tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	25.000.000	80.473.558
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.830.814	25.606.239
- Thuế, phí và lệ phí	225.956.830	4.000.000
- Hoàn nhập dự phòng	-	(77.235.057)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.860.267	141.984.934
- Chi phí bằng tiền khác	262.656.450	40.035.631
Cộng	721.304.361	214.865.305

5. Thu nhập khác

Là thu nhập từ thanh lý xe.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.866.595.520	(2.201.057.687)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.866.595.520	(2.201.057.687)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/CP)	921	(524)

7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.866.595.520	(2.201.057.687)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.866.595.520	(2.201.057.687)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu dự kiến phát hành thêm trong kỳ	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (Đồng/CP)	921	(524)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.895.000	6.267.566.403
- Chi phí nhân công	86.770.252	2.127.974.699
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.902.350	830.851.382
- Thuế, phí và lệ phí	225.956.830	4.000.000
- Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	-	(77.235.057)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.858.407	1.331.214.673
- Chi phí bằng tiền khác	356.162.284	798.760.053
Cộng	1.225.545.123	11.283.132.153

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Công ty mẹ

Giao dịch với bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí mua xe, phụ tùng	163.894.559.268	7.237.500
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.799.999.997	-
- Doanh thu bán hàng hóa	-	24.700.000
- Lãi cho vay	412.249.997	608.630.557
- Cho vay ngắn hạn	-	23.500.000.000
- Thu hồi gốc vay	16.000.000.000	19.500.000.000

Số dư với bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu ngắn hạn	635.415.453	880.000
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn	44.911.009.220	-

3. Báo cáo bộ phận**- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chủ yếu của Công ty là cho thuê xe.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

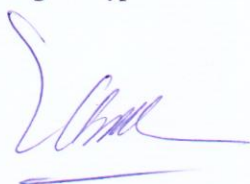
Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đã có thông báo và nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ngừng niêm yết trên sàn Upcom sau 01 năm kể từ ngày Công ty không còn đáp ứng các điều kiện Công ty đại chúng (kể từ ngày 09/06/2017).

Thành phố Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



BÙI THỊ THANH NHÂN

Kế toán trưởng



BÙI THỊ THANH NHÂN

Tổng Giám đốc



TRẦN VĂN MỸ